

PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH ĐỐI VỚI TỪNG
LOẠI CÂY TRỒNG

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
NHÓM CÂY ẮN QUẢ		
1.	Bí đao	BIDAO1
2.	Bơ	BO0001
3.	Bòn bon	BONBON
4.	Bưởi	BUOI01
5.	Bưởi Thanh trà	BTT001
6.	Bưởi da xanh	BDX001
7.	Cam	CAM001
8.	Chanh	CHANH1
9.	Chanh leo	CL0001
10.	Chôm Chôm	CC0001
11.	Chuối	CHUOI1
12.	Đào	DAO001
13.	Dâu da	DAUDA1
14.	Dâu tây	DAUTAY
15.	Đu đủ	DUDU01
16.	Đu đủ xanh	DDX001
17.	Dừa	DUA001
18.	Dừa hấu	DUAHAU
19.	Dừa lê	DUALE1
20.	Dừa lưới	DL0001
21.	Dứa/Thơm	DUA002
22.	Hồng	HONG01
23.	Hồng xiêm	HX0001
24.	Lê	LE0001
25.	Mận	MAN001
26.	Roi	ROI001
27.	Mãng cầu/Na	MC0001
28.	Mãng cụt	MC0002
29.	Mít	MIT001
30.	Mơ	MO0001
31.	Nhãn	NHAN01
32.	Nho	NHO001

33.	Ồi	OI0001
34.	Quất/Tắc	QUAT01
35.	Quýt	QUYT01
36.	Sầu riêng	SR0001
37.	Táo	TAO001
38.	Thanh Long	TL0001
39.	Thanh Long ruột đỏ	TLRĐ01
40.	Thanh Long ruột trắng	TLRT01
41.	Thanh Long ruột tím hồng	TLRTH1
42.	Thanh Long vỏ vàng, ruột trắng	TLVVRT
43.	Vải	VAI001
44.	Vú sữa	VUSUA1
45.	Xoài	XOAI01
46.	Dưa bở	DUABO1
47.	Nai dai	NADAI1
48.	Na bở	NABO01
49.	Dưa gang	DG0001
50.	Dưa vàng	DV0001
51.	Cây Chúc	CC0003
52.	Cây Trám đen	CTD001
53.	Cây Trám trắng	CTT001
54.	Phật thủ	PT0001
55.	Na Thái	NATHAI
56.	Dưa Hoàng kim (Dưa lê Hoàng kim)	DHK001
NHÓM CÂY LƯƠNG THỰC		
57.	Đậu xanh	DX0001
58.	Khoai lang	KL0001
59.	Khoai môn	KM0001
60.	Khoai tây	KT0001
61.	Lúa	LUA001
62.	Lúa nếp	LUANEP
63.	Ngô/Bắp	NGO001
64.	Sắn/Khoai mỳ	SAN001
65.	Đậu đỏ	DAUDO1
66.	Đậu đen	DAUDEN
67.	Khoai sọ	KS0001
68.	Củ ấu	CUAU01

69.	Bắp non	BAPNON
NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP		
70.	Bạch đàn	BD0001
71.	Bông	BONG01
72.	Ca cao	CACAO1
73.	Cà phê	CAPHE1
74.	Cao su	CAOSU1
75.	Chè/Trà	CHE001
76.	Dâu tằm	DAUTAM
77.	Đậu tương	DT0001
78.	Điều	DIEU01
79.	Đinh hương	DH0001
80.	Hồ tiêu	HOTIEU
81.	Lạc	LAC001
82.	Mac ca	MACCA1
83.	Mía	MIA001
84.	Sacha Inchi	SI0001
85.	Thuốc lá	TL0002
86.	Tung dầu	TD0001
87.	Vừng	VUNG01
88.	Dong riềng	DR0001
89.	Đàn hương	DH0002
90.	Quế	QUE001
91.	Hồi	HOI001
92.	Cây cỏ bàng	CCB001
93.	Thuốc Lào	TL0003
94.	Cây Sim	CAYSIM
95.	Trầm năm gân (Trầm lá rộng)	TNG001
96.	Gai xanh	GX0001
97.	Cây dầu sớ	CDS001
NHÓM CÂY RAU VÀ GIA VỊ		
98.	Bầu	BAU001
99.	Bí Ngô/Bí đỏ	BINGO1
100.	Cà chua	CACHUA
101.	Cà rốt	CAROT1
102.	Cà tím	CATIM1
103.	Cải bắp	CAIBAP

104.	Cải củ	CAICU1
105.	Cải thảo	CT0001
106.	Cải xanh	CX0001
107.	Cần tây	CANTAY
108.	Chi diếp/Luối mác	CD0001
109.	Chùm ngây	CN0001
110.	Đậu Bắp	DAUBAP
111.	Đậu các loại	DCL001
112.	Đậu đũa	DAUDUA
113.	Đậu Hà Lan	DHL001
114.	Dưa chuột/Dưa leo	DC0001
115.	Gừng	GUNG01
116.	Hành tây	HT0001
117.	Hành	HANH01
118.	Hẹ	HE0001
119.	Hoa hời	HOAHOI
120.	Húng	HUNG01
121.	Măng tây	MT0001
122.	Măng tre	MT0002
123.	Mướp đắng	MD0001
124.	Nghệ	NGHE01
125.	Ớt	OT0001
126.	Ớt hiểm	OTHIEM
127.	Ớt xiêm	OTXIEM
128.	Rau Dền	RAUDEN
129.	Rau muống	RM0001
130.	Su hào	SUHAO1
131.	Súp lơ trắng	SLT001
132.	Súp lơ xanh	SLX001
133.	Tỏi	TOI001
134.	Xà lách	XL0001
135.	Bí ngòi	BINGOI
136.	Củ nén/hành tằm	HT0002
137.	Cà pháo	CAPHAO
138.	Cà pháo chùm	CPC001
139.	Củ dền	CUDEN1
140.	Su su	SUSU01
141.	Đậu ngự	DAUNGU
142.	Cải ngọt	CN0002

143.	Cải thìa	CT0002
144.	Sả/Sả chanh	SA0001
145.	Kiệu	KIEU01
146.	Tía tô	TIATO1
147.	Kinh giới	KG0001
148.	Húng quế	HQ0001
149.	Diếp cá/Giấp cá	DIEPCA
150.	Mồng tơi	MT0003
151.	Cải chân vịt/ Tần ô	CCV001
152.	Riềng	RIENG1
153.	Rau mùi/ Ngò rí	RAUMUI
154.	Rau răm	RAURAM
155.	Rau ngổ	RAUNGO
156.	Thìa là/ Thì là	THIALA
157.	Nấm sò	NAMSO1
158.	Nấm rơm	NAMROM
159.	Nấm kim châm	NKC001
160.	Nấm mỡ	NAMMO1
161.	Nấm đùi gà	NDG001
162.	Nấm hương/ Nấm Đông cô	NH0001
163.	Mộc nhĩ/ Nấm mèo	MOCNHI
164.	Mướp hương	MH0001
165.	Cải bẹ/ Cải Đông dư	CAIBE1
166.	Cải ngồng	CN0004
167.	Cải cúc	CAICUC
168.	Cải mөр	CAIMO1
169.	Đậu Cove/ Đậu trạch	DCV001
170.	Bí xanh	BIXANH
171.	Củ cải trắng	CCT001
172.	Củ cải đỏ	CCD001
173.	Mùi tàu (Ngò gai)	MUITAU
174.	Hương nhu	HN0001
175.	Rau	RAU001
176.	Rau má	RM0002
177.	Rau thập tự	RTT001
178.	Rau gia vị	RGV001
179.	Rau họ Bầu bí	RHBB01
180.	Cải xoong	CX0002
181.	Súp lơ	SUPLO1

182.	Rau nhút	RN0001
183.	Cà ghém	CG0001
184.	Cần nước	CN0005
185.	Bồn bồn	BB0001
186.	Bí hạt đậu (Bí hồ lô)	BHD001
187.	Hành tím	HT0004
NHÓM CÂY DUỢC LIỆU		
188.	Sâm nữ hoàng/ Dương đề nhân	SNH001
189.	Cây Atiso	ATISO1
190.	Cây Địa liên	CDL001
191.	Ngải cứu	NC0001
192.	Củ mài/ Hoài sơn	CUMAI1
193.	Dừa cạn	DC0002
194.	Bạc hà	BH0001
195.	Dây thìa canh	DTC001
196.	Cỏ ngọt	CN0003
197.	Cà gai leo	CGL001
198.	Sen	SEN001
199.	Kim ngân hoa	KNH001
200.	Sâm Nam núi Dành	SNND01
201.	Cây Hương thảo	HT0003
202.	Trà Hoa vàng	THV001
203.	Ba Kích	BAKICH
204.	Thạch đen	TD0002
205.	Nha đam	NHADAM
206.	Tang ký sinh	TKS001
207.	Chè dây	CHEDAY
208.	An xoa	ANXOA1
209.	Đinh lăng	DL0002
210.	Chè vằng	CV0001
211.	Sắn dây	SANDAY
212.	Sâm bố chính	SBC001
213.	Hà thủ ô	HTO001
214.	Cây Xạ đen	CXD001
215.	Kim tiền thảo	KTT001
216.	Tầm gửi	TAMGUI
217.	Máu chó	MAUCHO
218.	Nấm mối	NAMMOI

219.	Nấm khiêu vũ	NKV001
220.	Nấm linh chi	NLC001
221.	Nấm Đông trùng hạ thảo	NDTHT1
222.	Nhàu	NHAU01
223.	Trạch tả	TT0001
224.	Bạch chỉ	BC0001
225.	Ngưu tất	NT0001
226.	Cây dược liệu các loại	CDLCL1
227.	Nhân trần	NT0002
NHÓM HẠT GIỐNG		
228.	Hạt giống Ổt ngọt	ON001G
229.	Hạt giống Ổt cay	OC001G
230.	Hạt giống Cà chua	CC001G
NHÓM NGỌN GIỐNG, CÂY GIỐNG HOA		
231.	Ngọn giống, cây giống hoa Thu Hải Đường	THD01G
232.	Ngọn giống, cây giống hoa Càng cua	HCC01G
233.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc cánh môi	CCC01G
234.	Ngọn giống, cây giống hoa xương rồng bát tiên	XRBT1G
235.	Ngọn giống, cây giống hoa chuông	HC001G
236.	Ngọn giống, cây giống hoa dâm bụt	DB001G
237.	Ngọn giống, cây giống hoa mã đề	MD001G
238.	Ngọn giống, cây giống hoa cẩm chướng	CC002G
239.	Ngọn giống, cây giống hoa oải hương	OH001G
240.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc Nam Phi	CNP01G
241.	Ngọn giống, cây giống hoa Hạnh tiên thảo	HTT01G
242.	Ngọn giống, cây giống hoa hồng trai	HHT01G
NHÓM HOA CÂY CẢNH		
243.	Hoa Nhài	NHAI01
244.	Hoa Lay ơn	LAYON1
245.	Hoa Lily	LILY01
246.	Hoa Đồng tiền	DT0002
247.	Hoa Cúc	CUC001

248.	Hoa Cẩm chướng	CC0002
249.	Hoa Lan Hồ điệp	LHD001
250.	Hoa Địa lan	DIALAN
251.	Hoa Tulip	TULIP1
252.	Cây trầu bà	TRAUBA
253.	Cây trầu bà lá xẻ	TBLX01
254.	Ráy	RAY001
255.	Môn	MON001
256.	Thiên niên kiện	TNK001
257.	Trúc bạch	TB0001
258.	Hồng môn	HM0001
259.	Cây trầu bà rừng	TBR001
260.	Cây trầu bà cánh én	TBCE01
261.	Hoa lan	HOALAN
262.	Mẫu đơn	MAUDON
263.	Hoa hồng	HH0001
264.	Hoa huệ	HOAHUE
265.	Cây Đào cảnh	DC0003
NHÓM CÂY TRỒNG KHÁC		
266.	Cọ	CO0001
267.	Cây lác	CAYLAC
268.	Lá dong	LADONG